

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23.8.2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và ông Nguyễn Duy Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/08/91 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, cách suy nghĩ. Vợ chồng đã nhiều tự hòa giải những mâu thuẫn nhưng không thành. Vì hôn nhân không hòa thuận, hạnh phúc nên chúng tôi đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2023, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định không còn thương yêu ông C, mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông C.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 21.11.1991 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 28.7.1994. Hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà T được ly hôn với ông C. Về con chung đã thành niên, về tài sản chung, nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà T và ông C là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông C là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông C.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C kết hôn năm 1991, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống và quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng bà T, ông C thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết vụ án chứng tỏ ông C không có thiện chí trong việc hàn gắn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông C là phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng bà T ông C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 21.11.1991 và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 28.7.1994. Cả hai đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn C.

2. **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với Nguyễn C.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 8990 ngày 08.5.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường